

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Hiền.

2/ Ông Lê Quang Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 219/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thanh Tr, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2022, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 22/4/2022 và trong quá trình tố tụng chị Trần Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Võ Thanh Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc (Trần Văn Thời- Cà Mau) vào ngày 16/02/2016. Trong quá trình chung sống, anh Trà nghiện về cha mẹ ruột hơn vợ con; anh Trà uống rượu nhiều chị khuyên thì dẫn đến cự cãi. Tháng 5/2020 anh Trà đi ghe về cũng không quan tâm gì đến vợ con mà

bỏ về quê sống (huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre), tháng 12/2020 anh Trà có về 02 ngày thăm vợ con đến nay không tới lui gì nữa. Theo chị biết từ tháng 12/2020 anh Trà vẫn đi ghe rồi về nhưng không thăm vợ con và cũng không phụ tiền nuôi con. Qua thời gian sống ly thân, chị nhận thấy chị và anh Trà không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trà.

Chị và anh Võ Thanh Tr có 01 con chung tên: Võ Bích Tr, sinh ngày 14/9/2015. Cháu Trâm hiện do chị nuôi dưỡng và chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có.

* Bị đơn anh Võ Thanh Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Tr vắng mặt không lý do nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T và anh Tr là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Kim T và anh Võ Thanh Tr có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc (Trần Văn Thời- Cà Mau) vào ngày 16/02/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh Tr xảy ra mâu thuẫn và hai bên không thiện chí hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Võ Bích Tr, sinh ngày 14/9/2015 hiện do chị T nuôi và chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con, anh Tr không tranh chấp nuôi con. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu ly hôn với anh Tr. Giao cháu Trâm cho chị T nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Võ Thanh Tr được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T, anh Tr là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Võ Thanh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc (Trần Văn Thời- Cà Mau) vào ngày 16/02/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Tuyến và anh Tr không có sự thương yêu, quan tâm chia sẻ lẫn nhau và hiện đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Chị T vẫn

giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Tr; riêng anh Tr đã được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, điều đó đồng nghĩa với việc anh Tr tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu của chị Tuyền. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Tr không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Tr.

[2] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi Võ Bích Tr, sinh ngày 14/9/2015; anh Tr không tranh chấp nuôi con. Do đó, giao cháu Trâm cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị Kim T phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim T đối với anh Võ Thanh Tr.

2. Con chung: Chị Trần Thị Kim T tiếp tục nuôi cháu Võ Bích Tr, sinh ngày 14/9/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Thanh Tr có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị Kim T phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003951 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND TT Sông Đốc (Trần Văn Thời, Cà Mau);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

